TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Số: 06 /HD-CĐGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2026

HƯỚNG DẪN
Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 9b/NQ-BCH ngày 23/8/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI về "Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình mới"

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị trực thuộc Công đoàn Giáo dục Việt Nam

Thực hiện Kế hoạch số 72/KH-TLĐ ngày 27/10/2026 của Ban Thường vụ Tổng Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) Việt Nam về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 9b/NQ-BCH ngày 23/8/2016 của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam khóa XI (gọi tắt là Nghị quyết 9b) về "Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình mới", Công đoàn Giáo dục (CĐGD) Việt Nam hướng dẫn công đoàn các đơn vị triển khai thực hiện tổng kết với các nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Đánh giá khách quan, toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 9b trong giai đoạn 2016 - 2026; làm rõ kết quả theo hai mốc giai đoạn: 2016 - 2020 và 2021 - 2026.

2. Bảo đảm đánh giá thực chất quyền được biết, tham gia ý kiến, quyết định, kiểm tra, giám sát của cán bộ, nhà giáo, người lao động (CBNGNLĐ); chất lượng tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), hội nghị người lao động (NLĐ), các cuộc đối thoại tại nơi làm việc, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân (TTND) và hiệu quả giải quyết kiến nghị; phân tích nguyên nhân chủ quan, khách quan và các mô hình hiệu quả.

3. Phân tích nguyên nhân chủ quan, khách quan, đúc rút các mô hình hay, cách làm hiệu quả; đồng thời đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2027 - 2031 phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và tổ chức bộ máy công đoàn sau sắp xếp.

4. Tổ chức tổng kết nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đảm bảo về nội dung và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị; số liệu báo cáo phải có nguồn đảm bảo chính xác, đúng đối tượng, có minh chứng và phụ biểu thống nhất.

II. Phạm vi và thời gian tổng kết

1. Phạm vi

Đánh giá kết quả công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý, theo từng giai đoạn pháp luật có hiệu lực.

Đối với các đơn vị đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập, chia tách trong giai đoạn 2016 - 2026, đề nghị báo cáo theo phạm vi hiện hành, đồng thời đối chiếu chuỗi số liệu lịch sử để đảm bảo tính khách quan, tránh cộng trùng số liệu.

2. Thời gian tổng kết

Từ tháng 8/2016 đến hết ngày 31/8/2026. Thống nhất số liệu năm, chia rõ mốc số liệu giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn từ năm 2021 đến 31/8/2026. Đơn vị không có chuỗi số liệu đầy đủ ghi rõ phạm vi, nguồn và lý do.

III. Nội dung tổng kết

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa Nghị quyết; phối hợp cấp ủy, chính quyền, người sử dụng lao động; tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, kiểm tra.

2. Các chỉ tiêu Nghị quyết đặt ra đến năm 2020, đến năm 2026 theo ba nhóm: cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu; đối chiếu các chỉ tiêu đặt ra đến năm 2020 và đến năm 2026 theo từng nhóm loại hình đơn vị; trường hợp không có thông tin, số liệu thì đánh giá chung.

3. Kết quả thực hiện dân chủ ở cơ sở

- Việc xây dựng, rà soát, sửa đổi và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế đối thoại, quy chế thi đua - khen thưởng;
- Chất lượng chuẩn bị và tổ chức Hội nghị CBCCVC, hội nghị NLĐ hằng năm; việc thực hiện các nghị quyết hội nghị;
- Chất lượng tổ chức đối thoại định kỳ, đối thoại theo yêu cầu hoặc khi có vụ việc phát sinh; việc tiếp thu, giải quyết các kiến nghị chính đáng của CBNGNLĐ;
- Năng lực tham gia phản biện xã hội, góp ý vào các dự thảo quy định, nội quy, chế độ chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của CBNGNLĐ;
- Kết quả thành lập, kiện toàn và hoạt động giám sát của Ban TTND.

4. Nêu bật vai trò của công đoàn trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện; giới thiệu 1-2 mô hình tiêu biểu hoặc sáng kiến; ứng dụng số; khó khăn do thay đổi cơ cấu tổ chức, cán bộ kiêm nhiệm.

5. Hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm; đề xuất định hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2027 - 2031 và những kiến nghị, đề xuất khác (nếu có).

IV. Các phụ biểu thống kê số liệu

Các đơn vị rà soát hồ sơ, số liệu và tổng hợp kết quả vào các biểu mẫu thống kê (theo mẫu Phụ biểu 2 kèm theo), bảo đảm đầy đủ 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2016 - 2020.
- Giai đoạn 2021 - đến 31/8/2026

V. Tổ chức thực hiện

1. CĐGD Việt Nam

1.1. Ban Quan hệ Lao động

- Tham mưu xây dựng hướng dẫn các đơn vị tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 9b trong tháng 11/2026.
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu, chủ trì xây dựng báo cáo tổng kết, chuẩn bị nội dung tổ chức tổng kết bằng hình thức văn bản cấp CĐGD Việt Nam.
- Tổng hợp, hoàn thiện báo cáo tổng kết và phụ biểu thống kê số liệu; báo cáo Tổng LĐLĐ Việt Nam trước ngày 03/12/2026.

1.2. Ban công tác công đoàn: Phối hợp cung cấp số liệu, đánh giá các hoạt động kiểm tra, giám sát.

2. Đối với Công đoàn đại học Quốc gia Hà Nội, các đại học Vùng

- Căn cứ hướng dẫn của CĐGD Việt Nam, báo cáo với cấp uỷ Đảng, phối hợp với lãnh đạo chuyên môn nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tổ chức tổng kết bằng hình thức hội nghị hoặc bằng văn bản phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị;

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát hồ sơ, số liệu, tổ chức tổng kết bằng hình thức phù hợp; gửi Báo cáo tổng kết và biểu số liệu thống kê về CĐGD Việt Nam (qua Ban Quan hệ lao động) chậm nhất trước ngày 30/11/2026.

3. Đối với công đoàn các đơn vị trực thuộc

- Các đơn vị tổ chức tổng kết theo hình thức phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; gửi Báo cáo tổng kết và biểu số liệu thống kê về CĐGD Việt Nam (qua Ban Quan hệ lao động) chậm nhất trước ngày 30/11/2026.

Phụ lục 1- Đề cương báo cáo; phụ biểu 2- Tổng hợp số liệu thực hiện được gửi kèm theo hướng dẫn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Ban Quan hệ lao động CĐGD Việt Nam để được phối hợp giải quyết.

Nơi nhận:
- Ban QHLĐ, TLĐLĐVN (để b/c);
- CĐ [redacted] các đơn vị trực thuộc;
- Cổng thông tin điện tử CĐGD Việt Nam;
- Lưu: VT, QHLĐ.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nguyễn Ngọc Ân

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 9b/NQ-BCH ngày 23/8/2016 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI

(Kèm theo Hướng dẫn số 06 /HD-CĐGD ngày 12 /11/2026)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Khái quát:

Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và công đoàn cơ sở; số đoàn viên, người lao động theo từng giai đoạn 2016 - 2020 và 2021- 2026 (lưu ý mốc 01/7/2025).

2. Những yếu tố tác động đến thực hiện Nghị quyết:

Tình hình kinh tế - xã hội, quan hệ lao động, thay đổi pháp luật, sắp xếp tổ chức công đoàn và địa giới hành chính; thuận lợi, khó khăn đặc thù.

3. Nêu rõ phạm vi quản lý sau sắp xếp, cách đối chiếu số liệu các đơn vị tiền thân; không cộng trùng số liệu.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo và cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết; số văn bản, đơn vị triển khai.

2. Công tác phối hợp cấp ủy, chính quyền, cơ quan chuyên môn, người sử dụng lao động; cơ chế phối hợp, phân công trách nhiệm.

3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ công đoàn; kiểm tra, giám sát, sơ kết, đôn đốc và khắc phục hạn chế.

4. Đánh giá riêng kết quả 2016 - 2020 và 2021 - 2026, so sánh phương thức chỉ đạo và hiệu quả triển khai.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

1. Đối chiếu từng mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đặt ra đến năm 2020 với kết quả thực hiện năm 2020; nêu số tuyệt đối, tỷ lệ, mức đạt/chưa đạt và nguyên nhân.

2. Phân nhóm theo cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước; doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp ngoài nhà nước có tổ chức công đoàn. Chỉ tính chỉ tiêu trong đúng đối tượng áp dụng.

3. Giai đoạn 2021- 2026: đánh giá kết quả duy trì, mở rộng, nâng cao chất lượng; so sánh với mốc 2020 và phân tích nguyên nhân biến động.

4. Trường hợp không có dữ liệu đầy đủ, ghi rõ thời điểm, phạm vi, nguồn, cách tính và nguyên nhân thiếu dữ liệu.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

1. Kết quả nâng cao năng lực và hiệu quả công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở

- Kết quả công đoàn cụ thể hóa chủ trương, quy định về dân chủ ở cơ sở; chủ động đề xuất với người đứng đầu thành lập Ban Chỉ đạo, tham gia Ban Chỉ đạo và phối hợp xây dựng, tổ chức thực hiện quy chế; làm rõ trách nhiệm của công đoàn và người đứng đầu.
- Công đoàn chuẩn bị nội dung, tổ chức lấy ý kiến người lao động, tham gia xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế dân chủ.

- Bảo đảm quyền người lao động được biết, được bàn, được tham gia ý kiến, được quyết định, được kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Công đoàn đề xuất xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, như quy chế đối thoại, tiền lương, tiền thưởng, nội quy lao động.

2. Kết quả công đoàn chủ động tham gia chuẩn bị và tổ chức tốt hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, hội nghị người lao động

- Kết quả công đoàn đề xuất, phối hợp xây dựng quy chế hội nghị, hướng dẫn tổ chức; chuẩn bị nội dung thuộc trách nhiệm công đoàn: kiến nghị của người lao động, chăm lo bảo vệ quyền lợi, thực hiện thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế và kết quả đối thoại.

- Chỉ đạo, theo dõi, tổng hợp ý kiến từ các bộ phận, đơn vị trực thuộc; khuyến khích người lao động đề xuất sáng kiến, kiến nghị.

- Đánh giá chất lượng hội nghị: mức độ tham gia của người lao động, nội dung thảo luận và quyết định, kiến nghị được tiếp thu, giải quyết, sáng kiến được áp dụng; giải pháp nâng cao hiệu quả Ban Thanh tra nhân dân và bộ phận đại diện đối thoại tại cơ sở.

- Công đoàn phối hợp phổ biến nghị quyết hội nghị tới người lao động, kiểm tra, giám sát và định kỳ đánh giá việc thực hiện.

3. Kết quả công đoàn chủ động đề xuất nội dung đối thoại với người sử dụng lao động nhằm xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

- Kết quả đề xuất xây dựng, ban hành quy chế đối thoại; tổ chức các hình thức để người lao động, đoàn viên, cán bộ công đoàn đề xuất nội dung; lựa chọn vấn đề ưu tiên và đề xuất thành viên đối thoại phù hợp, đáp ứng nguyện vọng, quyền và lợi ích của đa số người lao động.

- Công đoàn chủ động đề nghị đối thoại về những vấn đề bức xúc, cấp bách; tham gia đối thoại định kỳ, theo yêu cầu và khi phát sinh vụ việc theo quy định.

- Công khai nội dung đối thoại và giám sát thực hiện cam kết; những thay đổi cụ thể về việc làm, tiền lương, thu nhập, điều kiện làm việc và quyền lợi người lao động. Đánh giá liên hệ với thương lượng, ký kết, thực hiện thỏa ước lao động tập thể và phòng ngừa, giải quyết tranh chấp, ngừng việc tập thể; nêu vụ việc tiêu biểu, biện pháp công đoàn tham gia và kết quả thực tế.

4. Kết quả nâng cao năng lực và hiệu quả công đoàn tham gia phản biện trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

- Kết quả công đoàn chủ động tham gia xây dựng dự thảo nội quy, quy chế, quy định, chế độ, chính sách liên quan trực tiếp đến người lao động; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi cán bộ, đoàn viên, người lao động, tổng hợp và xây dựng ý kiến phản biện.

- Đánh giá số ý kiến, kiến nghị được tiếp thu và chưa được tiếp thu; nêu nội dung được sửa đổi, bổ sung, quy định bất lợi hoặc chưa phù hợp được kiến nghị điều chỉnh và quyền lợi cụ thể được bảo đảm. Đánh giá chất lượng phản biện, việc theo dõi phản hồi, đề nghị giải trình và kết quả áp dụng.

5. Kết quả nâng cao chất lượng hoạt động Ban Thanh tra nhân dân

- Kết quả công đoàn lựa chọn, giới thiệu người đủ điều kiện, tiêu chuẩn, bản lĩnh, kiến thức chuyên môn để hội nghị bầu vào Ban Thanh tra nhân dân; hướng dẫn, hỗ trợ kiện toàn và hoạt động.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ; đề xuất cơ chế, điều kiện hoạt động, động viên, khen thưởng thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

- Đánh giá kết quả giám sát; số cuộc, nội dung, số kiến nghị, số được tiếp thu, giải quyết và số còn tồn đọng; vai trò công đoàn trong hỗ trợ, theo dõi giải quyết kiến nghị.

V. VAI TRÒ CÁC CẤP CÔNG ĐOÀN, MÔ HÌNH VÀ CÁCH LÀM HIỆU QUẢ

1. Vai trò công đoàn cấp tỉnh, thành phố/ngành và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong chỉ đạo, hỗ trợ, kiểm tra; vai trò công đoàn cơ sở trong phối hợp tổ chức thực hiện và đại diện người lao động.

2. Tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thay đổi phạm vi quản lý, đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm; giải pháp hỗ trợ công đoàn cơ sở.

3. Giới thiệu 1-2 mô hình, sáng kiến tiêu biểu; nêu đơn vị áp dụng, cách làm, nguồn lực, kết quả định lượng, khả năng nhân rộng; ứng dụng công nghệ số (nếu có).

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC

1. Kết quả nổi bật, mức độ đạt mục tiêu Nghị quyết; chuyển biến giữa hai giai đoạn về nhận thức, độ bao phủ, chất lượng và hiệu quả thực hiện quyền dân chủ.

2. Tồn tại, hạn chế: chỉ tiêu chưa đạt; hình thức, chất lượng các hội nghị và đối thoại; công khai, tiếp thu và giải quyết kiến nghị; giám sát của Ban Thanh tra nhân dân; chênh lệch giữa các nhóm đơn vị.

3. Nguyên nhân khách quan: biến động kinh tế, pháp luật, cơ cấu doanh nghiệp, tổ chức bộ máy và nguồn dữ liệu.

Nguyên nhân chủ quan: chỉ đạo, phối hợp, năng lực cán bộ, kiểm tra giám sát, trách nhiệm của các bên, nguồn lực thực hiện.

4. Bài học kinh nghiệm có khả năng áp dụng: chỉ đạo có trọng tâm, phát huy năng lực công đoàn cơ sở, gắn đối thoại với giải quyết kiến nghị, theo dõi kết quả sau hội nghị và giám sát kết quả thực hiện.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KIẾN NGHỊ GIAI ĐOẠN 2027 - 2031

1. Dự báo tình hình và những vấn đề mới đối với thực hiện dân chủ ở cơ sở, quan hệ lao động và tổ chức công đoàn.

2. Đề xuất mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, khả thi, có đối tượng và phương pháp tính rõ ràng; ưu tiên chất lượng các hội nghị, đối thoại, tỷ lệ giải quyết kiến nghị, hiệu quả giám sát.

3. Nhiệm vụ, giải pháp: nâng cao năng lực công đoàn cơ sở; hướng dẫn theo từng nhóm đối tượng; cơ chế phối hợp, kiểm tra giám sát; chuyển đổi số; phát hiện và xử lý vấn đề từ sớm, từ xa.

4. Kiến nghị với Tổng Liên đoàn, cấp ủy, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước và người sử dụng lao động; nêu rõ nội dung cần sửa đổi, hướng dẫn, hỗ trợ hoặc bố trí nguồn lực.

Phụ biểu 2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 9B/NQ-BCH GIAI ĐOẠN 2016 - 2026

(Kèm theo Hướng dẫn số 06 /HD-CĐGD ngày 12/11/2026)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu 2016 - 2020	Tỷ lệ (%)	Số liệu 2021 - 31/8/2026	Tỷ lệ (%)
I	**I. TUYÊN TRUYỀN, CHỈ ĐẠO, TẬP HUẤN**					
1	Số đơn vị cơ sở tổ chức tuyên truyền, học tập QCDC	Đơn vị				
2	Số lớp tập huấn, học tập QCDC	Lớp				
	Số lượt người tham dự	Lượt người				
3	Số cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCDC	Cuộc				
	Số đơn vị được kiểm tra, giám sát	Đơn vị				
II	**II. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ**					
4	Số đơn vị thuộc diện xây dựng/ban hành QCDC theo quy định từng thời kỳ	Đơn vị				
5	Số đơn vị đã xây dựng/ban hành QCDC	Đơn vị				
-	Trong đó: cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Đơn vị				
-	Doanh nghiệp nhà nước	DN				
-	Doanh nghiệp FDI	DN				
-	Doanh nghiệp ngoài nhà nước khác	DN				
III	**TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CBCCVC, NLĐ/Hội nghị NLĐ**					
6	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức / hội nghị viên chức, người lao động	Đơn vị				
7	Số đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCCVC, NLĐ	Đơn vị				
-	Cơ quan hành chính nhà nước	Đơn vị				
-	Số đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước	Đơn vị				
8	Tổng số doanh nghiệp thuộc diện tổ chức hội nghị người lao động	DN				

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu 2016 - 2020	Tỷ lệ (%)	Số liệu 2021 - 31/8/2026	Tỷ lệ (%)
9	Số doanh nghiệp đã tổ chức hội nghị người lao động	DN				
-	Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước	DN				
-	Doanh nghiệp FDI	DN				
-	Doanh nghiệp ngoài nhà nước khác	DN				
10	Số kiến nghị tại các hội nghị	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị đã giải quyết	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị chưa giải quyết	Kiến nghị				
IV	**ĐỐI THOẠI TẠI NƠI LÀM VIỆC**					
11	Tổng số doanh nghiệp thuộc diện tổ chức đối thoại định kỳ	DN				
12	Tổng số doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại định kỳ	DN				
-	Số cuộc đối thoại định kỳ	Cuộc				
-	Số cuộc đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên	Cuộc				
-	Số cuộc đối thoại khi có vụ việc theo quy định	Cuộc				
13	Số cuộc đối thoại cấp tỉnh, ngành do công đoàn chủ trì/phối hợp	Cuộc				
-	Số kiến nghị phát sinh qua đối thoại	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị đã giải quyết	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị chưa giải quyết	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị chuyển cấp có thẩm quyền	Kiến nghị				
V	**BAN THANH TRA NHÂN DÂN**					
14	Tổng số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc diện thành lập Ban TTND theo pháp luật từng thời kỳ	Đơn vị				
15	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đã thành lập Ban TTND	Đơn vị				
-	Trong đó: Cơ quan hành chính	Đơn vị				

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu 2016 - 2020	Tỷ lệ (%)	Số liệu 2021 - 31/8/2026	Tỷ lệ (%)
-	Đơn vị sự nghiệp	Đơn vị				
-	Doanh nghiệp nhà nước	DN				
16	Số cuộc giám sát của Ban TTND	Cuộc				
-	Số kiến nghị của Ban TTND	Kiến nghị				
-	Số kiến nghị đã được giải quyết	Kiến nghị				